



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHÒNG VẤN VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN
CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC PHÍA BẮC NĂM 2023

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phòng vấn

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		NHNN CHI NHÁNH CAO BẰNG								
		Bàn phỏng vấn 2, từ 07h00 - 09h30, Thứ Sáu ngày 08/12/2023								
1	CSTT2175	Nguyễn Sĩ	Chuyên	10-11-1990		CN Cao Bằng	CVHD và thực thi CSTT	44/60	17/30	Đạt
2	CSTT2176	Hoàng Thị Bích	Diệu		27-01-1994	CN Cao Bằng	CVHD và thực thi CSTT	49/60	22/30	Đạt
3	CSTT2179	Bùi Đức	Hoàng	16-12-1989		CN Cao Bằng	CVHD và thực thi CSTT	36/60	15/30	Đạt
4	CSTT2180	Triệu Thanh	Loan		26-11-1992	CN Cao Bằng	CVHD và thực thi CSTT	38/60	24/30	Đạt
5	TTGS2041	Nguyễn Khánh	Hiệp	3-12-2000		CN Cao Bằng	CV TTGSNH	37/60	Miễn	Đạt
6	TTGS2046	Nguyễn Nông Lan	Hương		09-6-1999	CN Cao Bằng	CV TTGSNH	41/60	21/30	Đạt
7	TTGS2048	Lý Thu	Thảo		13-10-1994	CN Cao Bằng	CV TTGSNH	32/60	18/30	Đạt
8	TTGS2049	Hoàng Huy	Thông	13-02-1997		CN Cao Bằng	CV TTGSNH	38/60	23/30	Đạt
9	TTGS2052	Lô Kiều	Vi		07-04-2000	CN Cao Bằng	CV TTGSNH	44/60	17/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2								
10	TTGS2042	Hoàng Trọng	Hiếu	23-08-1995		CN Cao Bằng	CV TTGSNH	33/60	14/30	Không đạt
11	TTGS2044	Lương Minh	Huệ		22-02-2001	CN Cao Bằng	CV TTGSNH	28/60	Vắng	Không đạt
12	TTGS2050	Nông Thị Anh	Thư		03-7-2001	CN Cao Bằng	CV TTGSNH	29/60	16/30	Không đạt
13	TTGS2051	Hoàng Thị Thu	Uyên		18-11-2001	CN Cao Bằng	CV TTGSNH	41/60	9/30	Không đạt
14	CSTT2174	Trần Trung	Anh	20-11-2001		CN Cao Bằng	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
15	CSTT2177	Chu Thị Thanh	Thùy		07-03-1995	CN Cao Bằng	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
16	CSTT2178	Hoàng Thu	Trang		20-12-1999	CN Cao Bằng	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
17	CSTT2181	Nguyễn Thị Khánh	Ly		09-6-1997	CN Cao Bằng	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
18	TTGS2040	Nông Hồng	Hạnh		24-10-1999	CN Cao Bằng	CV TTGSNH			Vắng



STT		Họ và tên		Số		Ngày		Tháng		Năm		TỔNG	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
19	TTGS2043	Chu Thị Kim	Huế		03-4-1997	CN Cao Bằng	CV TTGSNH			Vắng
20	TTGS2045	Lê Thị Thu	Hương		10-8-1995	CN Cao Bằng	CV TTGSNH			Vắng
21	TTGS2047	Lục Ngọc	Thành	28-10-1990		CN Cao Bằng	CV TTGSNH			Vắng
22	TTGS2053	Đinh Ngọc	Vĩnh	21-09-2001		CN Cao Bằng	CV TTGSNH			Vắng
NHNN CHI NHÁNH ĐIỆN BIÊN										
Bàn phỏng vấn 1, từ 07h00, Thứ Sáu ngày 08/12/2023										
1	TTGS2078	Nguyễn Thu	Hương		25-12-2000	CN Điện Biên	CV TTGSNH	43/60	27/30	Đạt
2	TTGS2080	Phạm Khôi	Nguyên	05-12-2001		CN Điện Biên	CV TTGSNH	35/60	25/30	Đạt
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2										
3	TTGS2076	Phạm Thị Lan	Anh		23-4-1993	CN Điện Biên	CV TTGSNH	34/60	12/30	Không đạt
4	TTGS2077	Đặng Hải	Biên	04-9-1998		CN Điện Biên	CV TTGSNH	25/60	21/30	Không đạt
5	TTGS2079	Lò Thị	May		11-10-1998	CN Điện Biên	CV TTGSNH	38/60	12/30	Không đạt
NHNN CHI NHÁNH HÀ GIANG										
Bàn phỏng vấn 1, 07h00 - 09h30, Thứ Sáu ngày 08/12/2023										
1	TTGS2110	Nông Bích	Diệp		20-08-2000	CN Hà Giang	CV TTGSNH	46/60	27/30	Đạt
2	TTGS2111	Đỗ Tất	Duy	10-03-2000		CN Hà Giang	CV TTGSNH	32/60	23/30	Đạt
3	TTGS2114	Phạm Thu	Hương		06-09-1986	CN Hà Giang	CV TTGSNH	38/60	Miễn	Đạt
4	TTGS2115	Trần Diễm	Hương		14-01-1992	CN Hà Giang	CV TTGSNH	40/60	22/30	Đạt
5	TTGS2117	Đồng Kim	Ngân		12-05-2001	CN Hà Giang	CV TTGSNH	47/60	23/30	Đạt
6	TTGS2118	Mai Thị	Nhi		20-12-1993	CN Hà Giang	CV TTGSNH	41/60	23/30	Đạt
7	TTGS2120	Triệu Thu	Phương		01-11-2000	CN Hà Giang	CV TTGSNH	35/60	24/30	Đạt
8	TTGS2121	Nguyễn Hồng	Thái	19-04-1996		CN Hà Giang	CV TTGSNH	34/60	22/30	Đạt
9	TTGS2124	Trần Mai	Vân		02-01-2001	CN Hà Giang	CV TTGSNH	46/60	26/30	Đạt
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2										
10	TTGS2109	Hoàng Mai	Anh		11-06-2001	CN Hà Giang	CV TTGSNH	35/60	14/30	Không đạt
11	TTGS2113	Phạm Lan	Hương		12-03-1996	CN Hà Giang	CV TTGSNH	17/60	11/30	Không đạt
12	TTGS2112	Hoàng Thanh	Hiệu		03-04-1990	CN Hà Giang	CV TTGSNH			Vắng
13	TTGS2116	Nguyễn Thị Nhật	Lệ		04-08-2001	CN Hà Giang	CV TTGSNH			Vắng
14	TTGS2119	Nguyễn Hà	Phương		20-05-1998	CN Hà Giang	CV TTGSNH			Vắng



STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
15	TTGS2122	Ngô Thị Ngọc	Thảo		29-11-2000	CN Hà Giang	CV TTGSNH			Vắng
16	TTGS2123	Đỗ Việt	Tùng	17-09-1999		CN Hà Giang	CV TTGSNH			Vắng
NHNN CHI NHÁNH HÀ TĨNH										
Bàn phỏng vấn 1, từ 09h00 - 11h30, Thứ Sáu ngày 08/12/2023										
1	CSTT2145	Hoàng Thị Tú	Anh		28-08-1997	CN Hà Tĩnh	CVHD và thực thi CSTT	46/60	21/30	Đạt
2	CSTT2147	Nguyễn Thị Thu	Hà		18-11-1997	CN Hà Tĩnh	CVHD và thực thi CSTT	38/60	21/30	Đạt
3	CSTT2150	Phan Thị Khánh	Huyền		06-03-1997	CN Hà Tĩnh	CVHD và thực thi CSTT	41/60	23/30	Đạt
4	CSTT2152	Trần Thị Thùy	Linh		20-04-1999	CN Hà Tĩnh	CVHD và thực thi CSTT	41/60	27/30	Đạt
5	CSTT2153	Ngô Thị	Nguyệt		10-11-1995	CN Hà Tĩnh	CVHD và thực thi CSTT	36/60	27/30	Đạt
6	CSTT2155	Trần Thị Tố	Uyên		08-07-1999	CN Hà Tĩnh	CVHD và thực thi CSTT	44/60	27/30	Đạt
7	CSTT2146	Hồ Thị Ngọc	Ánh		15-06-1999	CN Hà Tĩnh	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
8	CSTT2148	Lê Thị	Hằng		14-02-1988	CN Hà Tĩnh	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
9	CSTT2149	Lê Thị Khánh	Huyền		07-09-2001	CN Hà Tĩnh	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
10	CSTT2151	Bùi Quốc	Khải	17-02-1998		CN Hà Tĩnh	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
11	CSTT2154	Đinh Thị Quỳnh	Như		08-01-1991	CN Hà Tĩnh	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
NHNN CHI NHÁNH HÒA BÌNH										
Bàn phỏng vấn 3, từ 14h15 - 15h30, Thứ Sáu ngày 08/12/2023										
1	CSTT2037	Bùi Hiền	Mai		12-08-2001	CN Hòa Bình	CVHD và thực thi CSTT	30/60	17/30	Đạt
2	TTGS2202	Phạm Thúy	Anh		04-10-1992	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	46/60	22/30	Đạt
3	TTGS2203	Trịnh Mạnh	Cường	08-02-1997		CN Hòa Bình	CV TTGSNH	41/60	18/30	Đạt
4	TTGS2204	Bùi Thị Linh	Chi		16-02-1999	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	42/60	28/30	Đạt
5	TTGS2206	Bùi Thị	Giang		17-09-1992	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	36/60	16/30	Đạt
6	TTGS2208	Bùi Thu	Hằng		17-02-1997	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	32/60	15/30	Đạt
7	TTGS2209	Phạm Thu	Huyền		05-12-1997	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	44/60	22/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 3, từ 15h00 - 17h30, Thứ Sáu ngày 08/12/2023										
8	TTGS2210	Vũ Thị Thúy	Kiều		03-7-1997	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	39/60	21/30	Đạt
9	TTGS2211	Hoàng Thị Thanh	Lam		09-01-1995	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	45/60	22/30	Đạt
10	TTGS2212	Vũ Thị Diệu	Linh		15-08-1999	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	42/60	20/30	Đạt
11	TTGS2214	Hoàng Hồng	Nhung		26-02-1995	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	34/60	28/30	Đạt



y

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
12	TTGS2216	Nguyễn Thị Hồng Nhung		02-10-1992	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	46/60	18/30	Đạt
13	TTGS2217	Nguyễn Thị Hồng Nhung		06-01-1998	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	33/60	24/30	Đạt
14	TTGS2220	Nguyễn Thị Phương Thảo		29-07-2001	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	37/60	26/30	Đạt
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2									
15	TTGS2207	Nguyễn Bích Hạnh		23-07-1999	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	29/60	Vắng	Không đạt
16	TTGS2213	Nguyễn Ngọc Minh Ngân		25-9-2001	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	26/60	12/30	Không đạt
17	TTGS2218	Đinh Thị Thu Phương		16-10-1999	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	20/60	Vắng	Không đạt
18	TTGS2221	Bạch Hải Yến		03-02-1999	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	29/60	25/30	Không đạt
19	CSTT2038	Nguyễn Thị Thanh Nga		06-03-1999	CN Hòa Bình	CVHD và thực thi CSTT	26/60	13/30	Không đạt
20	CSTT2039	Phạm Như Quỳnh		03-11-1990	CN Hòa Bình	CVHD và thực thi CSTT	22/60	17/30	Không đạt
21	CSTT2036	Nhữ Ngọc Hùng	01-05-2000		CN Hòa Bình	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
22	TTGS2205	Trịnh Ngọc Đạt	30-05-2000		CN Hòa Bình	CV TTGSNH			Vắng
23	TTGS2215	Nguyễn Thị Hồng Nhung		26-10-1993	CN Hòa Bình	CV TTGSNH			Vắng
24	TTGS2219	Trần Tất Quang	07-10-2000		CN Hòa Bình	CV TTGSNH			Vắng
25	TTGS2222	Đỗ Lý Yến		16-08-1996	CN Hòa Bình	CV TTGSNH			Vắng
NHNN CHI NHÁNH HƯNG YÊN									
Bàn phỏng vấn 2, từ 15h00 - 16h00, Thứ Sáu ngày 08/12/2023									
1	TTGS2127	Trần Thị Phương Anh		25-7-1997	CN Hưng Yên	CV TTGSNH	34/60	17/30	Đạt
2	TTGS2131	Vũ Thị Thanh Huyền		03-4-1999	CN Hưng Yên	CV TTGSNH	31/60	23/30	Đạt
3	TTGS2135	Tạ Thị Thùy Ngân		29-7-1997	CN Hưng Yên	CV TTGSNH	36/60	25/30	Đạt
4	TTGS2136	Nguyễn Thị Diệu Ngọc		11-11-1997	CN Hưng Yên	CV TTGSNH	33/60	24/30	Đạt
5	TTGS2138	Đào Đức Phú	16-10-1995		CN Hưng Yên	CV TTGSNH	41/60	15/30	Đạt
6	TTGS2140	Nguyễn Thị Sinh		09-5-1992	CN Hưng Yên	CV TTGSNH	39/60	15/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 2, từ 16h00 - 17h00, Thứ Sáu ngày 08/12/2023									
7	TTGS2141	Vũ Đức Thắng	08-8-1990		CN Hưng Yên	CV TTGSNH	40/60	21/30	Đạt
8	TTGS2142	Vũ Minh Thu		23-10-1996	CN Hưng Yên	CV TTGSNH	42/60	29/30	Đạt
9	TTGS2144	Trần Phương Trang		30-9-2000	CN Hưng Yên	CV TTGSNH	43/60	23/30	Đạt
10	TTGS2145	Nguyễn Đức Trọng	02-01-2000		CN Hưng Yên	CV TTGSNH	45/60	25/30	Đạt
11	TTGS2146	Đỗ Thanh Tú	13-11-1990		CN Hưng Yên	CV TTGSNH	41/60	16/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
12	TTGS2148	Nguyễn Văn	Tùng	05-7-1990		CN Hưng Yên	CV TTGSNH	44/60	15/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2								
13	TTGS2125	Lê Mai	Anh		18-6-2001	CN Hưng Yên	CV TTGSNH	27/60	25/30	Không đạt
14	TTGS2126	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		09-01-2001	CN Hưng Yên	CV TTGSNH	29/60	24/30	Không đạt
15	TTGS2133	Trần Thị	Mây		23-10-1991	CN Hưng Yên	CV TTGSNH	33/60	11/30	Không đạt
16	TTGS2134	Mai Kỳ	Nam	16-3-2001		CN Hưng Yên	CV TTGSNH	26/60	Vắng	Không đạt
17	TTGS2147	Vũ Minh	Tuấn	16-01-2000		CN Hưng Yên	CV TTGSNH	26/60	Vắng	Không đạt
18	TTGS2128	Nguyễn Thanh	Bằng	22-11-2000		CN Hưng Yên	CV TTGSNH			Vắng
19	TTGS2129	Nguyễn Thị Hồng	Duyên		02-01-2000	CN Hưng Yên	CV TTGSNH			Vắng
20	TTGS2130	Đoàn Thị Trà	Giang		09-9-1997	CN Hưng Yên	CV TTGSNH			Vắng
21	TTGS2132	Đỗ Thị Hoài	Linh		11-6-2001	CN Hưng Yên	CV TTGSNH			Vắng
22	TTGS2137	Vũ Thị Hồng	Nhung		07-5-2000	CN Hưng Yên	CV TTGSNH			Vắng
23	TTGS2139	Trần Thị Như	Quỳnh		03-6-1989	CN Hưng Yên	CV TTGSNH			Vắng
24	TTGS2143	Nguyễn Thu	Trang		01-02-1992	CN Hưng Yên	CV TTGSNH			Vắng
		NHNN CHI NHÁNH LAI CHÂU								
		Bàn phỏng vấn 3, từ 07h00 Thứ Sáu ngày 08/12/2023								
5	CSTT2105	Nguyễn Thanh	Tùng	26-12-1991		CN Lai Châu	CVHĐ và thực thi CSTT	44/60	22/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2								
1	CSTT2101	Vũ Tuấn	Anh	19-08-1996		CN Lai Châu	CVHĐ và thực thi CSTT	29/60	10/30	Không đạt
3	CSTT2103	Phu Hờ	Mê	07-08-2001		CN Lai Châu	CVHĐ và thực thi CSTT	29/60	19/30	Không đạt
2	CSTT2102	Nguyễn Thị	Hoa		08-05-2001	CN Lai Châu	CVHĐ và thực thi CSTT			Vắng
4	CSTT2104	Võ Hồng	Nhung		30-08-2000	CN Lai Châu	CVHĐ và thực thi CSTT			Vắng
		NHNN CHI NHÁNH NGHỆ AN								
		Bàn phỏng vấn 2, từ 13h00 - 14h00 Thứ Sáu ngày 08/12/2023								
1	CSTT2108	Chế Minh	Hiếu	24-12-1997		CN Nghệ An	CVHĐ và thực thi CSTT	46/60	18/30	Đạt
2	CSTT2111	Trần Thị Phương	Ngân		18-6-2001	CN Nghệ An	CVHĐ và thực thi CSTT	34/60	24/30	Đạt
3	CSTT2112	Trần Mai	Phương		15-10-2001	CN Nghệ An	CVHĐ và thực thi CSTT	38/60	16/30	Đạt
4	CSTT2113	Nguyễn Diệu	Thúy		12-11-2001	CN Nghệ An	CVHĐ và thực thi CSTT	46/60	28/30	Đạt
5	CSTT2114	Phan Nguyễn Ngọc	Thúy		30-4-1988	CN Nghệ An	CVHĐ và thực thi CSTT	45/60	24/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
6	CSTT2115	Đinh Thị Huyền Vy		24-5-1993	CN Nghệ An	CVHD và thực thi CSTT	45/60	Miễn	Đạt
7	TTGS2189	Nguyễn Hữu Hoàng	12-06-1998		CN Nghệ An	CV TTGSNH	35/60	19/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 2, từ 14h00 - 15h00 Thứ Sáu ngày 08/12/2023									
8	TTGS2191	Phan Thị Hồng Ngọc		12-12-1992	CN Nghệ An	CV TTGSNH	42/60	25/30	Đạt
9	TTGS2194	Phan Thị Mai Phương		02-8-1997	CN Nghệ An	CV TTGSNH	35/60	22/30	Đạt
10	TTGS2197	Hoàng Anh Thơ		28-01-2001	CN Nghệ An	CV TTGSNH	34/60	19/30	Đạt
11	TTGS2198	Dương Thị Minh Thư		03-02-2000	CN Nghệ An	CV TTGSNH	34/60	17/30	Đạt
12	TTGS2200	Trần Việt Tiến	03-9-1995		CN Nghệ An	CV TTGSNH	38/60	25/30	Đạt
13	TTGS2201	Nguyễn Thị Trang		21-03-1992	CN Nghệ An	CV TTGSNH	36/60	25/30	Đạt
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2									
14	TTGS2190	Đậu Phương Linh		29-8-2001	CN Nghệ An	CV TTGSNH	23/60	27/30	Không đạt
15	TTGS2195	Vương Thị Hương Quỳnh		14-11-1988	CN Nghệ An	CV TTGSNH	26/60	21/30	Không đạt
16	CSTT2106	Vũ Thị Hoài An		13-8-1992	CN Nghệ An	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
17	CSTT2107	Lê Văn Hiệp	25-7-1993		CN Nghệ An	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
18	CSTT2109	Nguyễn Mai Lê		26-11-1998	CN Nghệ An	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
19	CSTT2110	Nguyễn Thị Trà My		08-11-2001	CN Nghệ An	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
20	TTGS2187	Lê Thành Công	25-4-1998		CN Nghệ An	CV TTGSNH			Vắng
21	TTGS2188	Cao Mạnh Hải	02-07-1994		CN Nghệ An	CV TTGSNH			Vắng
22	TTGS2192	Nguyễn Thị Nhân		29-11-1998	CN Nghệ An	CV TTGSNH			Vắng
23	TTGS2193	Lê Xuân Phú	26-8-2001		CN Nghệ An	CV TTGSNH			Vắng
24	TTGS2196	Phạm Thị Xuân Thảo		26-8-1988	CN Nghệ An	CV TTGSNH			Vắng
25	TTGS2199	Đào Thị Thủy		10-8-1997	CN Nghệ An	CV TTGSNH			Vắng
NHNN CHI NHÁNH PHÚ THỌ									
Bàn phỏng vấn 3, từ 13h00 - 14h30 Thứ Sáu ngày 08/12/2023									
1	CSTT2156	Đào Đức Anh	28-02-1994		CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT	36/60	Miễn	Đạt
2	CSTT2162	Nguyễn Thị Thanh Huyền		19-07-1998	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT	30/60	25/30	Đạt
3	CSTT2163	Lưu Thùy Linh		13-09-2001	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT	33/60	21/30	Đạt
4	CSTT2165	Nguyễn Bích Loan		22-10-1998	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT	40/60	20/30	Đạt
5	CSTT2167	Nguyễn Hoàng Ngọc Mai		22-06-2001	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT	30/60	29/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
6	CSTT2169	Nguyễn Bích	Ngọc		25-12-1998	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT	35/60	26/30	Đạt
7	CSTT2170	Bùi Thị Bích	Phương		04-02-1993	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT	49/60	24/30	Đạt
8	CSTT2171	Lê Thị Lan	Phương		20-01-2001	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT	30/60	23/30	Đạt
9	CSTT2173	Trương Thị Thu	Trang		11-11-2001	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT	44/60	27/30	Đạt
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2										
10	CSTT2159	Lê Huỳnh	Đức	19-04-1998		CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT	26/60	Miễn	Không đạt
11	CSTT2164	Tạ Khánh	Linh		18-06-2000	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT	29/60	Vắng	Không đạt
12	CSTT2157	Lê Hương	Chi		11-07-1995	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
13	CSTT2158	Đào Ngọc	Diệp		19-09-2001	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
14	CSTT2160	Nguyễn Thu	Hằng		28-09-2001	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
15	CSTT2161	Bùi Đức	Hiếu	16-06-2001		CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
16	CSTT2166	Lê Hoàng Phương	Mai		09-12-2000	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
17	CSTT2168	Nguyễn Hà	My		05-9-1996	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
18	CSTT2172	Nguyễn Hương	Trà		06-07-2001	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
NHNN CHI NHÁNH SON LA										
Bàn phỏng vấn 3, từ 07h00 - 08h30 Thứ Sáu ngày 08/12/2023										
1	CSTT2182	Phan Thanh	Huyền		14-11-1995	CN Sơn La	CVHD và thực thi CSTT	36/60	21/30	Đạt
2	CSTT2183	Đinh Đức	Minh	27-10-1998		CN Sơn La	CVHD và thực thi CSTT	39/60	16/30	Đạt
3	CSTT2184	Trương Thị Hải	Vân		21-12-2001	CN Sơn La	CVHD và thực thi CSTT	43/60	27/30	Đạt
4	TTGS2001	Đoàn Mai	Anh		14-10-1996	CN Sơn La	CV TTGSNH	33/60	20/30	Đạt
5	TTGS2002	Cù Quang	Anh	30-9-1999		CN Sơn La	CV TTGSNH	46/60	23/30	Đạt
6	TTGS2003	Quảng Tuấn	Diệp	30-6-2001		CN Sơn La	CV TTGSNH	43/60	26/30	Đạt
7	TTGS2005	Đoàn Thị Thanh	Hải		09-09-1991	CN Sơn La	CV TTGSNH	39/60	18/30	Đạt
8	TTGS2006	Mê Thị Hồng	Hạnh		07-9-1995	CN Sơn La	CV TTGSNH	43/60	25/30	Đạt
9	TTGS2009	Bồ Thị	Hòa		01-7-1997	CN Sơn La	CV TTGSNH	34/60	17/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 3, từ 08h30 - 10h30 Thứ Sáu ngày 08/12/2023										
10	TTGS2013	Phạm Bảo	Ly		13-11-2001	CN Sơn La	CV TTGSNH	33/60	17/30	Đạt
11	TTGS2015	Phùng Thị Hồng	Nhung		20-8-2001	CN Sơn La	CV TTGSNH	36/60	27/30	Đạt
12	TTGS2016	Cà Thị	Phân		03-4-1998	CN Sơn La	CV TTGSNH	30/60	17/30	Đạt



STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
13	TTGS2017	Lưu Diễm	Quỳnh		06-7-2001	CN Sơn La	CV TTGSNH	44/60	24/30	Đạt
14	TTGS2022	Đỗ Đức	Toàn	31-8-1993		CN Sơn La	CV TTGSNH	33/60	24/30	Đạt
15	TTGS2023	Chu Thị	Trang		25-10-1991	CN Sơn La	CV TTGSNH	32/60	19/30	Đạt
16	TTGS2026	Lưu Thục	Trinh		09-10-1998	CN Sơn La	CV TTGSNH	31/60	17/30	Đạt
17	TTGS2027	Bùi Đức	Trung	16-8-1996		CN Sơn La	CV TTGSNH	34/60	20/30	Đạt
18	TTGS2029	Lò Thu	Uyên		26-02-2001	CN Sơn La	CV TTGSNH	37/60	17/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2								
19	TTGS2008	Bạc Ngân	Hòa		26-8-1998	CN Sơn La	CV TTGSNH	26/60	25/30	Không đạt
20	TTGS2011	Phan Thị Huyền	Linh		05-02-1998	CN Sơn La	CV TTGSNH	27/60	21/30	Không đạt
21	TTGS2014	Phạm Thị Hạnh	Ngân		28-3-1997	CN Sơn La	CV TTGSNH	32/60	13/30	Không đạt
22	TTGS2021	Lương Thị Thanh	Thùy		01-7-1992	CN Sơn La	CV TTGSNH	36/60	14/30	Không đạt
23	TTGS2025	Nguyễn Thị Thu	Trang		30-3-1996	CN Sơn La	CV TTGSNH	29/60	Vắng	Không đạt
24	TTGS2030	Lường Thị	Vui		08-11-2001	CN Sơn La	CV TTGSNH	22/60	6/30	Không đạt
25	TTGS2004	Đào Thu	Hà		18-11-1992	CN Sơn La	CV TTGSNH			Vắng
26	TTGS2007	Tường Thị Thu	Hằng		03-02-1991	CN Sơn La	CV TTGSNH			Vắng
27	TTGS2010	Nguyễn Thị Mai	Lan		21-8-1998	CN Sơn La	CV TTGSNH			Vắng
28	TTGS2012	Nguyễn Thị Khánh	Linh		16-10-1999	CN Sơn La	CV TTGSNH			Vắng
29	TTGS2018	Cầm Văn	Thắng	11-10-1993		CN Sơn La	CV TTGSNH			Vắng
30	TTGS2019	Nguyễn Hà	Thu		01-02-1995	CN Sơn La	CV TTGSNH			Vắng
31	TTGS2020	Lê Hoài	Thu		15-10-2001	CN Sơn La	CV TTGSNH			Vắng
32	TTGS2024	Nghiêm Thị Thu	Trang		10-9-1999	CN Sơn La	CV TTGSNH			Vắng
33	TTGS2028	Đào Duy	Tùng	01-10-2001		CN Sơn La	CV TTGSNH			Vắng
34	TTGS2031	Nguyễn Thị Hoàng	Yến		08-10-2000	CN Sơn La	CV TTGSNH			Vắng
		NHNN CHI NHÁNH TUYỂN QUANG								
		Bàn phỏng vấn 3, từ 10h00 Thứ Sáu ngày 08/12/2023								
1	TTGS2035	Văn Thị Khánh	Huyền		21-04-2000	CN Tuyển Quang	CV TTGSNH	32/60	21/30	Đạt
2	TTGS2039	Trịnh Huyền	Trang		23-07-1998	CN Tuyển Quang	CV TTGSNH	39/60	23/30	Đạt
3	TTGS2036	Nguyễn Duy	Khánh	08-01-1999		CN Tuyển Quang	CV TTGSNH	47/60	22/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2								
4	TTGS2033	Mai Thị Phúc	Hằng		12-09-1999	CN Tuyển Quang	CV TTGSNH	29/60	Vắng	Không đạt
5	TTGS2034	Nguyễn Đức	Hiếu	11-08-2000		CN Tuyển Quang	CV TTGSNH	29/60	21/30	Không đạt
6	TTGS2037	Nguyễn Phạm Phương	Linh		11-03-2000	CN Tuyển Quang	CV TTGSNH	23/60	Vắng	Không đạt
7	TTGS2032	Lê Mạnh	Cường	16-06-1995		CN Tuyển Quang	CV TTGSNH			Vắng
8	TTGS2038	Nguyễn Long	Thành	17-12-1998		CN Tuyển Quang	CV TTGSNH			Vắng
		NHNN CHI NHÁNH THANH HÓA								
		Bàn phỏng vấn 1, từ 13h00 - 14h00 Thứ Sáu ngày 08/12/2023								
1	CSTT2026	Đào Hồng	Hạnh		13/6/1998	CN Thanh Hóa	CVHD và thực thi CSTT	40/60	26/30	Đạt
2	CSTT2028	Trần Thị	Linh		13/12/1995	CN Thanh Hóa	CVHD và thực thi CSTT	42/60	26/30	Đạt
3	CSTT2029	Lại Đức	Lộc	29/10/1997		CN Thanh Hóa	CVHD và thực thi CSTT	42/60	21/30	Đạt
4	TTGS2303	Mai Đình	Tâm	12/10/1999		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	41/60	18/30	Đạt
5	TTGS2304	Tào Thị Quỳnh	Anh		07/3/1998	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	46/60	29/30	Đạt
6	TTGS2310	Lương Thùy	Dung		08/8/2000	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	34/60	28/30	Đạt
7	TTGS2311	Nguyễn Thị Hương	Giang		17/12/2000	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	38/60	24/30	Đạt
8	TTGS2313	Phạm Thị Nguyệt	Hà		02/01/1998	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	31/60	22/30	Đạt
9	TTGS2314	Trần Việt	Hà		24/8/2001	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	39/60	20/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 1, từ 14h00 - 15h00 Thứ Sáu ngày 08/12/2023								
10	TTGS2315	Nguyễn Thị	Hà		19/7/1995	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	41/60	20/30	Đạt
11	TTGS2316	Lê Nguyễn Thúy	Hà		09/11/2001	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	33/60	27/30	Đạt
12	TTGS2323	Phạm Thị	Hoan		25/11/1999	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	44/60	27/30	Đạt
13	TTGS2326	Lê Quang	Huy	28/12/1997		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	32/60	21/30	Đạt
14	TTGS2329	Lê Thùy	Linh		18/7/2001	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	36/60	24/30	Đạt
15	TTGS2330	Lê Thị	Linh		27/7/1997	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	30/60	15/30	Đạt
16	TTGS2333	Lê Hương	Ly		23/10/2001	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	30/60	26/30	Đạt
17	TTGS2334	Đào Thanh	Mai		06-12-1999	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	39/60	24/30	Đạt
18	TTGS2338	Trần Văn	Ngọc	24/10/1997		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	43/60	19/30	Đạt
19	TTGS2340	Trịnh Anh	Pháp	12/02/1989		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	38/60	17/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phỏng vấn 1, từ 15h00 Thứ Sáu ngày 08/12/2023							
20	TTGS2341	Vũ Xuân Thái	29-09-1993		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	48/60	Miễn	Đạt
21	TTGS2342	Hà Thái Thanh		14/5/1987	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	43/60	26/30	Đạt
22	TTGS2343	Ngô Lê Thành	12/9/1997		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	32/60	25/30	Đạt
23	TTGS2345	Trịnh Thu Thảo		29/5/1996	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	41/60	22/30	Đạt
24	TTGS2348	Nguyễn Thị Thùy		14-06-1990	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	46/60	Miễn	Đạt
25	TTGS2349	Nguyễn Ngọc Tiến	24/11/1994		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	50/60	26/30	Đạt
26	TTGS2350	Tạ Nguyên Trang		07/10/2000	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	38/60	29/30	Đạt
27	TTGS2352	Hoàng Hồng Vân		10/09/1998	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	31/60	21/30	Đạt
28	TTGS2354	Nguyễn Thị Xuân		05/6/1997	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	35/60	24/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2							
29	TTGS2324	Lê Duy Hưng	26/12/1990		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	27/60	14/30	Không đạt
30	TTGS2332	Cao Khánh Linh		01/8/1999	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	27/60	21/30	Không đạt
31	TTGS2336	Hồ Khắc Minh	19/06/1996		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	34/60	9/30	Không đạt
32	TTGS2337	Trịnh Lê Minh	09/11/2000		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	29/60	30/30	Không đạt
33	CSTT2025	Nguyễn Ngân Hà		19-06-1989	CN Thanh Hóa	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
34	CSTT2027	Trần Thị Hiền		16/3/1992	CN Thanh Hóa	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
35	CSTT2030	Lê Thị Quỳnh		26/12/1991	CN Thanh Hóa	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
36	CSTT2031	Hoàng Văn Thuận	18/07/1993		CN Thanh Hóa	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
37	TTGS2305	Phạm Việt Anh	19/9/1999		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
38	TTGS2306	Đỗ Lê Thùy Anh		21/4/2001	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
39	TTGS2307	Nguyễn Thị Ngọc Bích		10/6/1988	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
40	TTGS2308	Trần Văn Đạt	14/3/1995		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
41	TTGS2309	Trịnh Thị Dung		19/5/1993	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
42	TTGS2312	Tạ Hương Giang		15/7/1999	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
43	TTGS2317	Đặng Thu Hằng		10/11/1989	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
44	TTGS2318	Phạm Thị Thu Hằng		24/5/1995	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
45	TTGS2319	Trịnh Thu Hiền		28/10/2000	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
46	TTGS2320	Ngô Thị Thu Hiền		11/12/1999	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng



8

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
47	TTGS2321	Nguyễn Thanh	Hiền		07/10/1990	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
48	TTGS2322	Phạm Minh	Hiền		08/7/2001	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
49	TTGS2325	Mai	Hương		19/11/1992	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
50	TTGS2327	Phạm Thị	Huyền		08/01/1990	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
51	TTGS2328	Cao Thanh	Huyền		28/10/1999	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
52	TTGS2331	Nguyễn Thùy	Linh		30/7/2000	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
53	TTGS2335	Nguyễn Phương	Minh		16/3/2000	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
54	TTGS2339	Phạm Mai	Nguyệt		23/11/1999	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
55	TTGS2344	Hoàng Phương	Thảo		09/6/2001	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
56	TTGS2346	Nguyễn Phương	Thảo		28/12/1997	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
57	TTGS2347	Nguyễn Thị	Thương		21/9/1999	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
58	TTGS2351	Lê Minh	Tuấn	20/7/1993		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
59	TTGS2353	Phạm Hoài	Vân		26/02/1997	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH			Vắng
NHNN CHI NHÁNH YÊN BÁI										
Bàn phỏng vấn 2, từ 09h30 - 10h30 Thứ Sáu ngày 08/12/2023										
1	CSTT2014	Lê Hải	Anh		11/11/1995	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT	32/60	22/30	Đạt
2	CSTT2016	Phạm Minh	Châu		25/09/2000	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT	43/60	24/30	Đạt
3	CSTT2017	Lê Mai	Huệ		14/09/1992	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT	32/60	18/30	Đạt
4	CSTT2020	Lê Ngọc	Huyền		06/03/2000	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT	42/60	30/30	Đạt
5	CSTT2022	Nguyễn Thu	Thảo		29/04/1989	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT	36/60	20/30	Đạt
6	CSTT2024	Giảng Seo	Toàn	15/01/1996		CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT	35/60	26/30	Đạt
7	TTGS2056	Đinh Ngọc	Ánh		23/08/1995	CN Yên Bái	CV TTGSNH	36/60	23/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 2, từ 10h00 - 11h30 Thứ Sáu ngày 08/12/2023										
8	TTGS2058	Bùi Quốc	Đại	07/08/1993		CN Yên Bái	CV TTGSNH	31/60	15/30	Đạt
9	TTGS2059	Lê Anh	Đức	09/01/2000		CN Yên Bái	CV TTGSNH	37/60	22/30	Đạt
10	TTGS2061	Vương Minh	Hiếu	05/02/1999		CN Yên Bái	CV TTGSNH	37/60	26/30	Đạt
11	TTGS2063	Nguyễn Khánh	Linh		23/11/2000	CN Yên Bái	CV TTGSNH	39/60	19/30	Đạt
12	TTGS2074	Nguyễn Thị Kiều	Trinh		09/05/2000	CN Yên Bái	CV TTGSNH	33/60	24/30	Đạt
13	TTGS2075	Vũ Thanh	Tùng	08/01/2000		CN Yên Bái	CV TTGSNH	42/60	24/30	Đạt



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2							
14	TTGS2054	Dương Tùng Anh	22/08/1998		CN Yên Bái	CV TTGSNH	28/60	12/30	Không đạt
15	TTGS2055	Phạm Lê Bảo Anh		14/11/2001	CN Yên Bái	CV TTGSNH	39/60	10/30	Không đạt
16	TTGS2062	Trịnh Đức Hùng	23/11/1994		CN Yên Bái	CV TTGSNH	26/60	Vắng	Không đạt
17	TTGS2065	Lê Kim Ngân		20/8/2001	CN Yên Bái	CV TTGSNH	21/60	Vắng	Không đạt
18	TTGS2068	Trần Hồng Nhung		08/03/1998	CN Yên Bái	CV TTGSNH	29/60	Vắng	Không đạt
19	TTGS2072	Nguyễn lê Huyền Trang		11/05/1998	CN Yên Bái	CV TTGSNH	28/60	Vắng	Không đạt
20	CSTT2021	Nguyễn Thị Hồng Nhung		06/09/1998	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT	26/60	13/30	Không đạt
21	CSTT2015	Hoàng Ngọc Ánh		16/02/1990	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT			Vắng
22	CSTT2018	Tổng Phan Hưng	18/01/2001		CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT			Vắng
23	CSTT2019	Vũ Lan Hương		07/03/1996	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT			Vắng
24	CSTT2023	Nhâm Hoàng Thảo		09/09/1986	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT			Vắng
25	TTGS2057	Lê Thị Kim Chi		07/03/1995	CN Yên Bái	CV TTGSNH			Vắng
26	TTGS2060	Nguyễn Thị Hà		10/04/1987	CN Yên Bái	CV TTGSNH			Vắng
27	TTGS2064	Nguyễn Tuyết Mai		16/10/1987	CN Yên Bái	CV TTGSNH			Vắng
28	TTGS2066	Đỗ Xuân Nghĩa	12/09/1993		CN Yên Bái	CV TTGSNH			Vắng
29	TTGS2067	Chu Hồng Nhung		06/07/2001	CN Yên Bái	CV TTGSNH			Vắng
30	TTGS2069	Đào Thị Như Quỳnh		25/6/1992	CN Yên Bái	CV TTGSNH			Vắng
31	TTGS2070	Đỗ Hoàng Thắng	02/05/1995		CN Yên Bái	CV TTGSNH			Vắng
32	TTGS2071	Hà Phương Thảo		05/10/2001	CN Yên Bái	CV TTGSNH			Vắng
33	TTGS2073	Nông Thị Thu Trang		22/03/1987	CN Yên Bái	CV TTGSNH			Vắng

VIỆT NAM

h